

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ***

*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*

*đã được soát xét*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>5 – 34</b>
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 34
<b>Phụ lục Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ</b>	<b>35</b>

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn tiền thân là Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 315607 ngày 22 tháng 7 năm 2002 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4116000589 thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 03 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty Vận tải Hành khách Đường sắt Sài Gòn chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Vận tải Đường sắt Sài Gòn do Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 1973/QĐ-ĐS ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301120371 thay đổi lần thứ 06 ngày 01 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Đại lý và dịch vụ vận tải;
- Sửa chữa các phương tiện vận tải đường sắt;
- Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Nhân	Phụ trách Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Văn Sơn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2017
Ông Đào Anh Tuấn	Ủy viên	
Ông Đỗ Đình Dược	Ủy viên	
Ông Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên	

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Đào Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Dược	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Mạnh	Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

Ông Kiều Văn Chung	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2017
Ông Cao Văn Mót	Kế toán trưởng	Nghỉ hưu ngày 01 tháng 5 năm 2017

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Đào Anh Tuấn**

Số: 207/2017/BCSX-TC2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn được lập ngày 25 tháng 8 năm 2017, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Kết luận của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2017

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
Phó Giám đốc**



**Bùi Ngọc Vương**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>303.237.071.997</b>	<b>410.163.185.915</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>121.357.247.946</b>	<b>206.270.871.997</b>
1.	Tiền	111	V.01	121.357.247.946	206.270.871.997
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>116.968.145.763</b>	<b>117.028.735.941</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	19.448.418.754	21.232.318.266
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	46.902.200.071	25.117.964.642
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	53.297.529.682	71.545.007.306
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2.680.002.744)	(866.554.273)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>62.315.385.453</b>	<b>64.668.200.605</b>
1.	Hàng tồn kho	141		62.315.385.453	64.668.200.605
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.596.292.835</b>	<b>22.195.377.372</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	418.068.149	19.560.053.527
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	2.178.224.686	2.635.323.845
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>587.703.816.463</b>	<b>446.405.284.744</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>164.000.000</b>	<b>165.200.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	164.000.000	165.200.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>560.653.148.891</b>	<b>376.594.354.908</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	560.595.705.092	376.471.094.685
	- Nguyên giá	222		1.815.811.604.777	1.631.141.551.757
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.255.215.899.685)	(1.254.670.457.072)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	57.443.799	123.260.223
	- Nguyên giá	228		2.372.025.000	2.372.025.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.314.581.201)	(2.248.764.777)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.10</b>	<b>15.758.760.585</b>	<b>2.873.442.685</b>
1.	Nguyên giá	231		60.325.409.063	6.650.965.152
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(44.566.648.478)	(3.777.522.467)
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.07</b>	<b>4.548.699.094</b>	<b>43.366.420.132</b>
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.548.699.094	43.366.420.132
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.579.207.893</b>	<b>23.405.867.019</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	6.579.207.893	23.405.867.019
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>890.940.888.460</b>	<b>856.568.470.659</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>381.405.138.245</b>	<b>350.251.822.700</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>372.209.450.221</b>	<b>332.590.815.342</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	30.384.172.133	44.262.936.288
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.095.237.265	1.878.663.868
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	25.555.534.929	11.060.541.133
4.	Phải trả người lao động	314		21.826.864.464	42.697.909.002
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	18.457.777.973	801.314.320
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	48.028.240.091	172.535.492.545
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	225.861.623.366	59.353.958.186
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.195.688.024</b>	<b>17.661.007.358</b>
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	8.885.359.824	17.661.007.358
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	310.328.200	-
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>509.535.750.215</b>	<b>506.316.647.959</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.19</b>	<b>509.535.750.215</b>	<b>506.316.647.959</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		503.100.000.000	503.100.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		503.100.000.000	503.100.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	1.991.689.774
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		655.709.206	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.780.041.009	1.224.958.185
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.224.958.185	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.555.082.824	1.224.958.185
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>890.940.888.460</b>	<b>856.568.470.659</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng TC - KT

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Thúy Quỳnh

Kiều Văn Chung



Đào Anh Tuấn



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	VI.01	1.037.250.122.257	767.609.015.134
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	59.738.209.581	40.371.455.542
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		977.511.912.676	727.237.559.592
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	903.163.354.101	722.302.131.758
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		74.348.558.575	4.935.427.834
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	146.073.694	291.142.563
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	-	207.363.555
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	207.363.555
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	45.984.225.551	33.332.046.636
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	27.506.063.811	11.763.380.379
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		1.004.342.907	(40.076.220.173)
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	9.781.979.648	4.150.652.259
12.	Chi phí khác	32	VI.07	2.812.680.956	1.206.494.504
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	40		6.969.298.692	2.944.157.755
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		7.973.641.599	(37.132.062.418)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.057.758.950	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		4.915.882.649	(37.132.062.418)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	86	(738)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	86	(738)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng TC - KT

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Thúy Quỳnh

Kiều Văn Chung



Đào Anh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		7.973.641.599	(37.132.062.418)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		42.353.162.831	42.772.588.545
-	Các khoản dự phòng	03		2.123.776.671	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(146.073.694)	(291.142.563)
-	Chi phí lãi vay	06		-	207.363.555
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		52.304.507.407	5.556.747.119
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.618.297.924)	82.901.591.580
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.352.815.152	(14.545.954.180)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		28.878.119.653	(111.852.398.917)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		35.968.644.504	1.053.140.284
-	Tiền lãi vay đã trả	13		-	(207.363.555)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(890.164.861)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		441.065.900	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.016.833.900)	(673.795.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		115.419.855.931	(37.768.032.669)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(200.576.775.893)	(1.412.709.091)
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		97.222.217	291.142.563
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		146.073.694	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(200.333.479.982)	(1.121.566.528)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.560.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(1.560.000.000)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(84.913.624.051)</b>	<b>(40.449.599.197)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>206.270.871.997</b>	<b>222.665.863.481</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>121.357.247.946</b>	<b>182.216.264.284</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng TC - KT

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thúy Quỳnh



Kiều Văn Chung



Đào Anh Tuấn

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

#### **02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

#### **03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là:

- Kinh doanh vận tải đường sắt, vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế;
- Đại lý và dịch vụ vận tải;
- Sửa chữa các phương tiện vận tải đường sắt;
- Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phụ tùng chuyên ngành đường sắt và các sản phẩm cơ khí;
- Sản xuất và kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm;
- Kinh doanh khách sạn, du lịch.

#### **04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### **05. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 9 đơn vị thành viên là chi nhánh.

Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

<i><b>Đơn vị phụ thuộc</b></i>	<i><b>Địa chỉ</b></i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – Xí nghiệp Toa xe Đà Nẵng	Số 236 Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – Xí nghiệp Toa xe Sài Gòn	Số 540/45 đường Cách Mạng Tháng 8, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn – Đoàn tiếp viên Đường sắt Phương Nam	Số 1A Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sài Gòn - Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 1A Nguyễn Thông, phường 9, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Sóng Thần – Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 831 Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Bình Thuận – Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 01 Lê Duẩn, xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Nha Trang – Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 17, đường Thái Nguyên, phường Phước Tân, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<u>Đơn vị phụ thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Đà Nẵng – Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 200A, đường Hải Phòng, phường Tân Chính, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc – Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Sài Gòn	Số 124, đường Lê Duẩn, phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 08 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

#### 05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

##### *Nguyên giá*

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Các chi phí phát sinh sau khi đưa bất động sản đầu tư vào sử dụng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt mức hoạt động tiêu chuẩn được đánh giá ban đầu thì các khoản chi phí này được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

##### *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Nhà cửa	05 – 18 năm
-----------	-------------

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán

#### 06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành sửa chữa lớn toa xe.

Dự phòng bảo hành sửa chữa lớn toa xe được lập cho từng toa xe có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 1,5% trên doanh thu hoạt động sửa chữa lớn có yêu cầu bảo hành. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành sửa chữa lớn toa xe không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### **09. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả cho khoản doanh thu tương ứng với giá trị dịch vụ vận chuyển hành khách trong tương lai tại ngày lập báo cáo tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ là khoản hàng bán bị trả lại.

Khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	5.005.234.995	5.335.439.302
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	114.402.041.351	199.718.024.695
- Tiền đang chuyển	1.949.971.600	1.217.408.000
<b>Cộng</b>	<b><u>121.357.247.946</u></b>	<b><u>206.270.871.997</u></b>

**02. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b><u>19.448.418.754</u></b>	<b><u>21.232.318.266</u></b>
- Công ty Cổ phần Xi măng Công Thanh	5.580.060.500	7.056.728.200
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	13.868.358.254	14.175.590.066
<b>Cộng</b>	<b><u>19.448.418.754</u></b>	<b><u>21.232.318.266</u></b>

**03. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b><u>46.902.200.071</u></b>	<b><u>25.117.964.642</u></b>
- Công ty TNHH Dịch vụ Thiên Kỳ	-	17.820.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Công trình Hà Nội	1.717.050.000	1.717.050.000
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	45.185.150.071	5.580.914.642
<b>Cộng</b>	<b><u>46.902.200.071</u></b>	<b><u>25.117.964.642</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>53.297.529.682</b>	<b>2.680.002.744</b>	<b>71.545.007.306</b>	<b>866.554.273</b>
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-	12.817.520.692	-
- Tạm ứng	4.940.565.440	-	3.822.654.308	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.632.000	-	-	-
- Phải thu khác	48.302.332.242	2.680.002.744	54.904.832.306	866.554.273
+ Công ty TNHH Thảo Oanh	1.813.448.471	1.813.448.471	1.813.448.471	622.497.445
+ Bảo hiểm xã hội	-	-	1.783.291.610	-
+ Công ty Cổ phần Đường sắt Phía Nam	925.793.148	622.497.445	1.033.848.709	-
+ Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội	37.528.790.659	-	41.164.364.302	-
+ Các khoản phải thu khác	8.034.299.964	244.056.828	9.109.879.214	244.056.828
<b>b. Dài hạn</b>	<b>164.000.000</b>	<b>-</b>	<b>165.200.000</b>	<b>-</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	164.000.000	-	165.200.000	-
<b>Cộng</b>	<b>53.461.529.682</b>	<b>2.680.002.744</b>	<b>71.710.207.306</b>	<b>866.554.273</b>

**05. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Thảo Oanh	1.813.448.471	-	1.813.448.471	1.190.951.026
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phía Nam	925.793.148	303.295.703	-	-
- Các đối tượng khác	732.170.488	488.113.660	732.170.488	488.113.660
<b>Cộng</b>	<b>3.471.412.107</b>	<b>791.409.363</b>	<b>2.545.618.959</b>	<b>1.679.064.686</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**06. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	53.593.149.539	-	59.491.861.493	-
- Công cụ, dụng cụ	390.933.055	-	313.985.123	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.331.302.859	-	4.573.529.912	-
- Hàng hoá	-	-	288.824.077	-
<b>Cộng</b>	<b>62.315.385.453</b>	<b>-</b>	<b>64.668.200.605</b>	<b>-</b>

**07. Tài sản dở dang dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	<i>4.548.699.094</i>	<i>43.366.420.132</i>
- Chi phí hoàn cải toa xe	-	38.277.270.030
- Lò xo cao su Tháp Chàm	2.314.728.639	2.314.728.693
- Lắp giá chuyên hướng toa xe	-	2.061.629.187
- Hệ thống xử lý nước thải	1.141.400.000	-
- Các công trình khác	1.092.570.455	712.792.222
<b>Cộng</b>	<b>4.548.699.094</b>	<b>43.366.420.132</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>78.600.669.932</i>	<i>43.354.711.818</i>	<i>1.496.241.098.762</i>	<i>12.945.071.245</i>	<i>1.631.141.551.757</i>
- Mua trong kỳ	-	-	156.365.454.545	-	156.365.454.545
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	83.029.042.386	-	83.029.042.386
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(53.674.443.911)	-	-	-	(53.674.443.911)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.050.000.000)	-	-	(1.050.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>24.926.226.021</i>	<i>42.304.711.818</i>	<i>1.735.635.595.693</i>	<i>12.945.071.245</i>	<i>1.815.811.604.777</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>49.996.190.456</i>	<i>25.339.306.329</i>	<i>1.169.447.142.217</i>	<i>9.887.818.070</i>	<i>1.254.670.457.072</i>
- Khấu hao trong kỳ	2.061.034.540	1.524.985.342	37.715.655.849	763.666.392	42.065.342.123
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	(40.567.121.727)	-	-	-	(40.567.121.727)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(952.777.783)	-	-	(952.777.783)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>11.490.103.269</i>	<i>25.911.513.888</i>	<i>1.207.162.798.066</i>	<i>10.651.484.462</i>	<i>1.255.215.899.685</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>28.604.479.476</i>	<i>18.015.405.489</i>	<i>326.793.956.545</i>	<i>3.057.253.175</i>	<i>376.471.094.685</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>13.436.122.752</i>	<i>16.393.197.930</i>	<i>528.472.797.627</i>	<i>2.293.586.783</i>	<i>560.595.705.092</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 3.370.908.803 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.372.025.000</i>	<i>2.372.025.000</i>
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>2.372.025.000</i>	<i>2.372.025.000</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.248.764.777</i>	<i>2.248.764.777</i>
- Khấu hao trong kỳ	65.816.424	65.816.424
- Tăng khác	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>2.314.581.201</i>	<i>2.314.581.201</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>123.260.223</i>	<i>123.260.223</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>57.443.799</i>	<i>57.443.799</i>

**10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Nguyên giá bất động sản đầu tư</b>	<b>6.650.965.152</b>	<b>53.674.443.911</b>	-	<b>60.325.409.063</b>
- Nhà cửa	6.650.965.152	53.674.443.911	-	60.325.409.063
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>3.777.522.467</b>	<b>40.789.126.011</b>	-	<b>44.566.648.478</b>
- Nhà cửa	3.777.522.467	40.789.126.011	-	44.566.648.478
<b>III. Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư</b>	<b>2.873.442.685</b>	<b>13.107.322.184</b>	<b>222.004.284</b>	<b>15.758.760.585</b>
- Nhà cửa	2.873.442.685	13.107.322.184	222.004.284	15.758.760.585

**11. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>418.068.149</b>	<b>19.560.053.527</b>
- Chi phí sửa chữa nhỏ Toa xe khách	-	11.710.973.553
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	418.068.149	553.205.481
- Chi phí bán vé tàu Tết	-	5.447.806.443
- Tiền thuê đất	-	1.848.068.050
<b>b. Dài hạn</b>	<b>6.579.207.893</b>	<b>23.405.867.019</b>
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	17.195.656.907
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.917.317.999	3.393.078.150
- Chi phí thuê đất	1.829.416.395	-
- Các khoản khác	2.832.473.499	2.817.131.962
<b>Cộng</b>	<b>6.997.276.042</b>	<b>42.965.920.546</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**12. Phải trả người bán**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>30.384.172.133</b>	<b>30.384.172.133</b>	<b>44.262.936.288</b>	<b>44.262.936.288</b>
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ khí Cầu Đường	-	-	13.934.562.740	13.934.562.740
- Công ty TNHH Kỹ thuật - Dịch vụ STD&T	-	-	9.988.000.000	9.988.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải và Đầu tư Xây dựng Thái Dương	4.059.076.800	4.059.076.800	6.195.325.750	6.195.325.750
- Công ty Cổ phần Thương mại Tư vấn Đầu tư Xây dựng Bách Khoa Việt	5.902.886.375	5.902.886.375	3.245.013.421	3.245.013.421
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	20.422.208.958	20.422.208.958	10.900.034.377	10.900.034.377
<b>Cộng</b>	<b>30.384.172.133</b>	<b>30.384.172.133</b>	<b>44.262.936.288</b>	<b>44.262.936.288</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>2.095.237.265</b>	<b>2.095.237.265</b>	<b>1.878.663.868</b>	<b>1.878.663.868</b>
- Trung tâm Vận chuyển và kho vận Miền Nam	577.700.000	577.700.000	-	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.517.537.265	1.517.537.265	1.878.663.868	1.878.663.868
<b>Cộng</b>	<b>2.095.237.265</b>	<b>2.095.237.265</b>	<b>1.878.663.868</b>	<b>1.878.663.868</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**  
 Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

*Đơn vị tính: VND*

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>Số phải thu đầu năm</b>	<b>Số phải nộp đầu năm</b>	<b>Số phải nộp trong kỳ</b>	<b>Số đã thực nộp trong kỳ</b>	<b>Số phải thu cuối kỳ</b>	<b>Số phải nộp cuối kỳ</b>
- Thuế giá trị gia tăng	-	3.040.507.819	26.033.407.871	19.676.646.540	-	9.397.269.150
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	802.731.354	7.299.260	2.117.129.691	890.164.861	134.800.285	566.333.021
- Thuế thu nhập cá nhân	1.832.592.491	23.264.629	1.005.254.594	1.068.191.240	1.887.867.401	15.602.893
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	678.291.851	833.848.851	155.557.000	-
- Các loại thuế khác	-	-	961.929.640	961.929.640	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	7.989.469.425	70.025.717.852	62.438.857.412	-	15.576.329.865
<b>Cộng</b>	<b>2.635.323.845</b>	<b>11.060.541.133</b>	<b>100.821.731.499</b>	<b>85.869.638.544</b>	<b>2.178.224.686</b>	<b>25.555.534.929</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>	<b>18.457.777.973</b>	<b>801.314.320</b>
- Cước đường sắt	700.000.000	-
- Các khoản trích trước khác	17.757.777.973	801.314.320
<b>Cộng</b>	<b>18.457.777.973</b>	<b>801.314.320</b>

**16. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>225.861.623.366</b>	<b>59.353.958.186</b>
- Kinh phí công đoàn	758.088.917	174.822.314
- Bảo hiểm xã hội	71.789.472	1.815.483.420
- Bảo hiểm y tế	-	14.905.538
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	8.489.221
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	284.749.400	210.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	224.746.995.577	57.130.257.693
+ <i>Bồi thường chậm tàu</i>	13.695.891.000	-
+ <i>Tiền thuê đất 136 Hàm Nghi</i>	-	8.097.254.880
+ <i>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i>	205.965.952.321	43.020.035.550
+ <i>Các đối tượng khác</i>	5.085.152.256	6.012.967.263
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.885.359.824</b>	<b>17.661.007.358</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.413.959.450	1.906.055.450
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.471.400.374	15.754.951.908
+ <i>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</i>	7.471.400.374	15.754.951.908
<b>Cộng</b>	<b>234.746.983.190</b>	<b>77.014.965.544</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>48.028.240.091</b>	<b>172.535.492.545</b>
- Doanh thu bán vé chưa thực hiện vận chuyển	46.357.331.000	171.170.038.000
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	1.670.909.091	1.365.454.545
<b>Cộng</b>	<b>48.028.240.091</b>	<b>172.535.492.545</b>

**18. Dự phòng phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Dài hạn</b>	<b>310.328.200</b>	-
- Dự phòng bảo hành công trình sửa chữa lớn	310.328.200	-
<b>Cộng</b>	<b>310.328.200</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**19. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	503.100.000.000	1.991.689.774	-	-	505.091.689.774
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.224.958.185	1.224.958.185
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>503.100.000.000</b>	<b>1.991.689.774</b>	<b>-</b>	<b>1.224.958.185</b>	<b>506.316.647.959</b>
Số dư đầu năm nay					
Lãi trong kỳ này	-	-	-	4.915.882.649	4.915.882.649
Tăng khác	-	-	-	863.190.693	863.190.693
Phân phối lợi nhuận kỳ này (*)	-	-	655.709.206	(1.223.990.518)	(568.281.312)
Giảm khác	-	(1.991.689.774)	-	-	(1.991.689.774)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>503.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>655.709.206</b>	<b>5.780.041.009</b>	<b>509.535.750.215</b>

(\*) Trong kỳ, Công ty tạm trích các quỹ từ lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2017, cụ thể như sau:

	Số tiền
	VND
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	655.709.206
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	437.139.471
- Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	131.141.841
<b>Tổng phân phối lợi nhuận</b>	<b>1.223.990.518</b>

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	394.647.080.000	78	394.647.080.000	78
- Vốn góp của các đối tượng khác	108.452.920.000	22	108.452.920.000	22
<b>Cộng</b>	<b>503.100.000.000</b>	<b>100</b>	<b>503.100.000.000</b>	<b>100</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	503.100.000.000	503.100.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	503.100.000.000	503.100.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.310.000	50.310.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.310.000	50.310.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.310.000	50.310.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.310.000	50.310.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.310.000	50.310.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**e. Các quỹ của Công ty**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	655.709.206	-
<b>Cộng</b>	<b>655.709.206</b>	<b>-</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.037.250.122.257	767.609.015.134
<b>Cộng</b>	<b>1.037.250.122.257</b>	<b>767.609.015.134</b>

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>	
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội</b>	<b>114.804.589.001</b>
<i>Doanh thu sản phẩm tác nghiệp</i>	36.501.123.587
<i>Doanh thu hoa hồng đại lý</i>	2.406.297.414
<i>Doanh thu đại lý bán vé</i>	76.498.735.320
<b>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn</b>	<b>120.000.000</b>
<i>Doanh thu kiểm soát phát thanh</i>	120.000.000
<b>Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội</b>	<b>734.766.986</b>
<i>Doanh thu dịch vụ trông coi xe</i>	734.766.986

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2017

đến 30/6/2017

<b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
<b>Chi nhánh Toa xe Hà Nội</b>		<b>7.033.192.950</b>
<i>Doanh thu sửa chữa toa xe</i>		103.787.889
<i>Doanh thu cung cấp dầu Diesel</i>		6.880.241.061
<i>Doanh thu cung cấp gioăng van</i>		49.164.000
<b>Xí nghiệp Toa xe Vinh</b>		<b>106.430.740</b>
<i>Doanh thu vệ sinh trông coi xe</i>		44.430.740
<i>Doanh thu bán vòng bi</i>		62.000.000
<b>Chi nhánh Vận tải Đường sắt Phía Nam</b>		<b>418.786.181</b>
<i>Doanh thu vận chuyển, xếp hàng</i>		418.786.181
<b>Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An</b>		<b>20.330.080</b>
<i>Doanh thu vận chuyển hàng hóa</i>		5.704.045
<i>Doanh thu chỉnh bị toa xe</i>		14.626.035
<b>Trạm kinh doanh hỗ trợ Vận tải Sóng Thần</b>		<b>2.709.091</b>
<i>Doanh thu cầu, nâng hàng</i>		2.709.091
<b>Tổ vận chuyên hàng tại Sài Gòn</b>		<b>164.447.273</b>
<i>Doanh thu vận chuyển hàng hóa</i>		164.447.273
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Thống Nhất</b>		<b>98.514.848</b>
<i>Doanh thu vận chuyển hàng hóa</i>		98.514.848
<b>Chi nhánh Công ty CP Dịch vụ VTĐS tại TPHCM</b>		<b>54.075.456</b>
<i>Doanh thu vận chuyển hàng hóa</i>		54.075.456
<b>Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn</b>		<b>24.000.000</b>
<i>Doanh thu cho thuê phòng nghỉ</i>		24.000.000
<b>Chi nhánh Vận tải Đường sắt Miền Bắc</b>		<b>14.400.000</b>
<i>Doanh thu thuê kho</i>		14.400.000
<b>Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng</b>		<b>50.945.454</b>
<i>Doanh thu dịch vụ ăn uống</i>		50.945.454
<b>Chi nhánh Vận tải Đường sắt Vinh</b>		<b>139.999.999</b>
<i>Doanh thu dịch vụ</i>		139.999.999
<b>Công ty TNHH MTV Đường sắt Bình Trị Thiên</b>		<b>104.180.000</b>
<i>Doanh thu sửa chữa toa xe</i>		104.180.000
<b>02. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/02/2016</b>
	<b>đến 30/6/2017</b>	<b>đến 30/6/2016</b>
- Hàng bán bị trả lại	59.738.209.581	40.371.455.542
<b>Cộng</b>	<b>59.738.209.581</b>	<b>40.371.455.542</b>
<b>03. Giá vốn hàng bán</b>		
	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/02/2016</b>
	<b>đến 30/6/2017</b>	<b>đến 30/6/2016</b>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	903.163.354.101	722.302.131.758
<b>Cộng</b>	<b>903.163.354.101</b>	<b>722.302.131.758</b>
<b>04. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<b>Từ 01/01/2017</b>	<b>Từ 01/02/2016</b>
	<b>đến 30/6/2017</b>	<b>đến 30/6/2016</b>
- Lãi tiền gửi	146.073.694	291.142.563
<b>Cộng</b>	<b>146.073.694</b>	<b>291.142.563</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
<b>05. Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	-	207.363.555
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>207.363.555</b>
<b>06. Thu nhập khác</b>		
- Phí trả vé	9.448.995.000	2.894.179.000
- Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp Đầu máy	-	1.106.956.127
- Các khoản khác	332.984.648	149.517.132
<b>Cộng</b>	<b>9.781.979.648</b>	<b>4.150.652.259</b>
<b>07. Chi phí khác</b>		
- Lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tại Xí nghiệp Đầu máy	-	1.106.956.127
- Phạt và truy thu thuế	2.609.906.858	-
- Các khoản khác	202.774.098	99.538.377
<b>Cộng</b>	<b>2.812.680.956</b>	<b>1.206.494.504</b>
<b>08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>27.506.063.811</b>	<b>11.763.380.379</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.749.781.788	3.971.597.469
- Chi phí vật liệu quản lý	374.356.101	408.346.139
- Chi phí đồ dùng văn phòng	48.576.498	40.480.416
- Chi phí khấu hao TSCĐ	651.723.570	717.453.633
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	877.178.225
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.094.156.699	3.086.502.221
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.584.469.155	2.661.822.276
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>45.984.225.551</b>	<b>33.332.046.636</b>
- Chi phí nhân viên	22.459.732.019	16.995.171.433
- Chi phí vật liệu, bao bì	5.628.129.339	3.995.525.522
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.604.807.744	1.927.168.995
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.710.610.355	6.631.945.214
- Các khoản chi phí bán hàng khác	6.580.946.094	3.782.235.472
<b>Cộng</b>	<b>73.490.289.362</b>	<b>45.095.427.015</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành (*)	2.117.129.691	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	940.629.259	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.057.758.950</b>	<b>-</b>

**(\*) Chi tiết xác định chi phí thuế thu nhập Doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.973.641.599
Các khoản điều chỉnh tăng	2.612.006.858
Thuế truy thu	2.609.906.858
Phạt hành chính	2.100.000
Thu nhập tính thuế TNDN	10.585.648.457
Thuế suất thuế TNDN	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>2.117.129.691</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	4.915.882.649	(37.132.062.418)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.915.882.649	(37.132.062.418)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	568.281.312	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.310.000	50.310.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>86</b>	<b>(738)</b>

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	4.915.882.649	(37.132.062.418)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.915.882.649	(37.132.062.418)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	568.281.312	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	50.310.000	50.310.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>86</b>	<b>(738)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</b>	<b>Từ 01/02/2016 đến 30/6/2016</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.876.915.427	85.087.029.040
- Chi phí nhân công	162.550.579.773	144.756.812.140
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	42.353.162.831	42.772.588.545
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	513.851.221.241	417.373.448.236
- Chi phí khác bằng tiền	118.021.764.191	77.407.680.812
<b>Cộng</b>	<b>976.653.643.463</b>	<b>767.397.558.773</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng phòng Tài chính kế toán và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</b>
Tiền lương, thưởng	2.215.930.717
<b>Cộng</b>	<b>2.215.930.717</b>

***Giao dịch với các bên liên quan khác***

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam  
 Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội  
 Công ty Cổ phần Xe lửa Dĩ An  
 Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn  
 Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đường sắt  
 Chi nhánh Toa xe Hà Nội  
 Chi nhánh Vận tải Đường sắt Vinh  
 Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình  
 Các Công ty khác thuộc Tổng Công ty

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty thuộc Tổng Công ty  
 Công ty thuộc Tổng Công ty  
 Chi nhánh thuộc Tổng Công ty  
 Công ty thuộc Tổng Công ty  
 Chi nhánh thuộc Tổng Công ty  
 Chi nhánh thuộc Tổng Công ty  
 Chi nhánh thuộc Tổng Công ty  
 Công ty thuộc Tổng Công ty

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<b>Từ 01/01/2017</b>
	<b>đến 30/6/2017</b>
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>	
Thuê phần mềm bán vé	4.977.296.411
Phí điều hành giao thông	427.185.790.000
Bồi thường chậm tàu	3.400.000
<b>Công ty Cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội</b>	
Chi phí sản phẩm tác nghiệp	42.906.143.225
Chi phí hoa hồng đại lý	2.333.896.775
Phí dịch vụ	1.409.686.800
<b>Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Sài Gòn</b>	
Mua vật tư	1.249.348.000
<b>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Sài Gòn</b>	
Chi phí dịch vụ điện nước và thuê mặt bằng	2.719.012.332
Phí điều hành giao thông	467.388.486
<b>Đoàn tiếp viên Đường sắt Hà Nội</b>	
Dịch vụ môi giới vận chuyển hàng	39.000.000
<b>Chi nhánh Toa xe Hà Nội</b>	
Chi phí sửa chữa toa xe	55.171.736
<b>Chi nhánh Toa xe Hàng Hà Nội</b>	
Chi phí sửa chữa, sơ cứu toa xe	15.317.000
Mua vật tư	7.081.116
<b>Xí nghiệp Toa xe Vinh</b>	
Chi phí sửa chữa 2 toa xe	2.666.223
Thay thế bộ trục bánh toa xe	3.951.500
<b>Chi nhánh Vận tải Đường sắt Phía Nam</b>	
Chi phí vận chuyển hàng	28.000.000
<b>Công ty Toa xe Dĩ An</b>	
Mua vật tư	140.705.000
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Đường sắt Thống Nhất</b>	
Chi phí vận chuyển hàng	286.126.067
<b>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Hà Nội</b>	
Chi phí thuê kho	27.300.000
<b>Chi nhánh Vận tải Đường sắt Hà Nội</b>	
Cước giao nhận hàng hóa	23.002.500
<b>Xí nghiệp Đầu máy Sài Gòn</b>	
Chi phí quay đầu toa xe	4.620.000
Phí sửa chữa, kiểm tra đầu máy	72.680.445

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2017

đến 30/6/2017

<b>Xí nghiệp Đầu máy Đà Nẵng</b>		
Chi phí gia công ép trục		17.070.837
<b>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Thừa Thiên Huế</b>		
Chi phí thuê văn phòng		8.181.818
<b>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Nghĩa Bình</b>		
Chi phí thuê văn phòng		491.630.000
<b>Chi nhánh Khai thác Đường sắt Phú Khánh</b>		
Chi phí dịch vụ khác		495.515.100
<b>Xí nghiệp sửa chữa toa xe Hà Nội</b>		
Mua vật tư		125.636.382
<b>Công ty Cổ phần Vật tư Đường sắt Hà Nội</b>		
Mua vật tư		38.460.800
<b>Công ty Cổ phần Xe lửa Gia Lâm</b>		
Mua vật tư		235.795.172
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Đường sắt Phía Nam</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	925.793.148	1.033.848.709
<b>Công ty cổ phần Vận tải Đường sắt Hà Nội</b>		
Phải thu ngắn hạn khác	37.528.790.659	41.164.364.302
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<u>38.454.583.807</u>	<u>42.198.213.011</u>
<b>Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam</b>		
Phải trả ngắn hạn khác	205.965.952.321	43.020.035.550
Phải trả dài hạn khác	7.471.400.374	15.754.951.908
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<u>213.437.352.695</u>	<u>58.774.987.458</u>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực vận tải;
- Lĩnh vực dịch vụ khác;

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Đơn vị tính: VND		
	<u>Vận tải</u>	<u>Dịch vụ khác</u>	<u>Cộng</u>
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	913.201.373.568	64.310.539.108	977.511.912.676
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	915.055.013.675	61.452.556.094	976.507.569.769
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(1.853.640.107)	2.857.983.014	1.004.342.907
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	187.380.823.575	13.195.952.318	200.576.775.893
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	39.566.746.932	2.786.415.899	42.353.162.831
<b>Số dư cuối kỳ</b>			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	718.952.708.892	50.630.931.622	769.583.640.514
- Tài sản không phân bổ			121.357.247.946
<b>Tổng tài sản</b>	<b>718.952.708.892</b>	<b>50.630.931.622</b>	<b>890.940.888.460</b>
- Nợ phải trả bộ phận	356.312.482.349	25.092.655.896	381.405.138.245
- Nợ phải trả không phân bổ			-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>356.312.482.349</b>	<b>25.092.655.896</b>	<b>381.405.138.245</b>

**Khu vực địa lý:**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.357.247.946	-	206.270.871.997	-	121.357.247.946	206.270.871.997
Phải thu khách hàng và phải thu khác	67.750.750.996	(2.680.002.744)	76.137.150.572	(866.554.273)	65.070.748.252	75.270.596.299
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>189.107.998.942</b>	<b>(2.680.002.744)</b>	<b>282.408.022.569</b>	<b>(866.554.273)</b>	<b>186.427.996.198</b>	<b>281.541.468.296</b>
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Phải trả cho người bán	30.384.172.133	44.262.936.288	30.384.172.133	44.262.936.288		
Vay và nợ	-	-	-	-		
Chi phí phải trả	18.457.777.973	801.314.320	18.457.777.973	801.314.320		
Các khoản phải trả khác	232.218.395.951	72.885.209.601	232.218.395.951	72.885.209.601		
<b>Cộng</b>	<b>281.060.346.057</b>	<b>117.949.460.209</b>	<b>281.060.346.057</b>	<b>117.949.460.209</b>		

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Phải trả cho người bán	30.384.172.133	-	-	30.384.172.133
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	18.457.777.973	-	-	18.457.777.973
Các khoản phải trả khác	224.746.995.577	7.471.400.374	-	232.218.395.951
<b>Cộng</b>	<b>273.588.945.683</b>	<b>7.471.400.374</b>	<b>-</b>	<b>281.060.346.057</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	44.262.936.288	-	-	44.262.936.288
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	801.314.320	-	-	801.314.320
Các khoản phải trả khác	57.130.257.693	15.754.951.908	-	72.885.209.601
<b>Cộng</b>	<b>102.194.508.301</b>	<b>15.754.951.908</b>	<b>-</b>	<b>117.949.460.209</b>

### 07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường là rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### *Rủi ro về giá khác*

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Số 136, đường Hàm Nghi, phường Bến Thành, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

**08. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 02 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

**09. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

**Người lập biểu**

**Trưởng phòng TC - KT**

**Tổng Giám đốc**

**Bùi Thị Thúy Quỳnh**

**Kiều Văn Chung**

**Đào Anh Tuấn**

**Phụ lục**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Vận tải	Dịch vụ khác	Tổng cộng
1.	<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>972.939.583.149</b>	<b>64.310.539.108</b>	<b>1.037.250.122.257</b>
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	59.738.209.581	-	59.738.209.581
3.	<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>913.201.373.568</b>	<b>64.310.539.108</b>	<b>977.511.912.676</b>
4.	Giá vốn hàng bán	841.564.724.313	61.598.629.788	903.163.354.101
5.	<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>71.636.649.255</b>	<b>2.711.909.320</b>	<b>74.348.558.575</b>
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	-	146.073.694	146.073.694
7.	Chi phí tài chính	-	-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	-	-	-
8.	Chi phí bán hàng	45.984.225.551	-	45.984.225.551
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	27.506.063.811	-	27.506.063.811
10.	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(1.853.640.107)</b>	<b>2.857.983.014</b>	<b>1.004.342.907</b>
11.	Thu nhập khác	9.619.763.400	162.216.248	9.781.979.648
12.	Chi phí khác	2.658.552.313	154.128.643	2.812.680.956
13.	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>6.961.211.087</b>	<b>8.087.605</b>	<b>6.969.298.692</b>
14.	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>5.107.570.980</b>	<b>2.866.070.619</b>	<b>7.973.641.599</b>
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.484.544.827	573.214.123	3.057.758.950
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	-
17.	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>2.623.026.153</b>	<b>2.292.856.496</b>	<b>4.915.882.649</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Trưởng phòng TC - KT

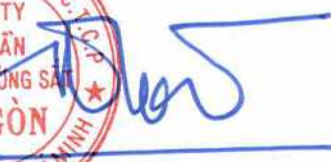
Tổng Giám đốc



Bùi Thị Thúy Quỳnh



Kiều Văn Chung

Đào Anh Tuấn